

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Bà Vũ Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thùy T, sinh năm 1996;

Địa chỉ: khu phố 2, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

*** Bị đơn:** Anh Đào Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thùy T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 238, quyển số 01/2013 ngày 03/12/2013. Quá trình tìm hiểu yêu thương nhau, chị T đã phát hiện anh T nghiện ma túy đá nhưng do lúc đó anh T hứa sẽ thay đổi và tu chí làm ăn nên chị vẫn đồng ý cùng anh T tổ chức đám cưới ngày 05/01/2014. Trong thời gian chung sống, từ sau khi sinh con thì giữa chị và gia đình chồng đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Vợ chồng chị cũng nói chuyện nhưng sau đó anh T bắt đầu thay đổi, suốt ngày ăn nhậu, không lo làm ăn, không phụ giúp chị chăm sóc con. Thời gian sau đó anh T thường xuyên sử dụng ma túy đá và đi chơi qua đêm không về nhà. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi nên từ tháng 8/2015 chị T đã

chuyển về nhà gần nhà mẹ ruột tại thị trấn V sinh sống. Trong thời gian sống ly thân thì chị T cũng có gọi điện khuyên ngăn và cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng anh T không chịu thay đổi. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị và anh T cũng ít khi liên lạc, anh T cũng không tới hỏi thăm vợ con và cũng không chu cấp gì cho chị T trong quá trình nuôi con, anh T còn gọi điện chửi mắng chị nên chị T đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn vào tháng 01 năm 2018. Do muốn cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị T đã rút đơn về. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay anh T và chị cũng không nói chuyện để về chung sống mà tiếp tục xảy ra cãi vã căng thẳng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh T không thể về chung sống với nhau nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Đào Văn T, sinh ngày 04/3/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang sống tại nhà riêng gần nhà mẹ ruột tại khu phố 2, thị trấn V. Chị T đang làm công nhân tại công ty Việt Vinh thu nhập hàng tháng là khoảng 6.000.000 đồng, ngoài ra chị còn bán hàng online tại nhà nên đảm bảo được việc nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/5/2018, bị đơn anh Đào Văn T trình bày:*

Anh T và chị T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau từ cuối năm 2013 tại nhà bố mẹ ruột anh T tại ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 238, quyển số 01/2013 đăng ký ngày 03/12/2013. Trong quá trình chung sống giữa anh và chị T đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T đi làm về không đúng giờ, thường muộn hơn giờ bình thường 02 đến 03 tiếng đồng hồ, có hôm đến tối mới về, có hôm đi 02 đến 03 ngày mới về trong khi anh T vừa phải sửa xe máy vừa phải trông con. Đã nhiều lần anh T gọi điện cho chị T về phụ anh T trông con và làm việc nhà nhưng chị T không nghe, sự việc lặp đi, lặp lại nhiều lần nên giữa vợ chồng anh thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Anh T đã nhắc nhở khuyên bảo chị T nhiều lần nhưng không được, sau đó chị T đã tự ý bế con về nhà bố mẹ ruột ở thị trấn V ở được khoảng 02 năm, vợ chồng anh sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T đến thăm con thì chị T ngăn cản, không cho anh T thăm con. Ngoài ra, anh T nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình vì anh nhìn thấy chị T ngồi trên xe của người đàn ông khác. Mâu thuẫn vợ chồng anh cũng đã được hai bên gia đình hòa giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được, anh và chị T chưa yêu cầu quyền địa phương hòa giải. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không đồng ý do anh có đạo Thiên Chúa Giáo, nhưng về tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, bản thân anh T cũng không muốn hàn gắn hạnh phúc với chị T nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Đào Văn T, sinh ngày 04/3/2014. Hiện nay cháu T đang sống cùng với chị T nên nếu ly hôn, anh T đồng ý

giao con chung cho chị T được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Nếu sau này chị T không đảm bảo việc nuôi con thì anh T sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có khoản nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị Phan Thùy T, cho chị T được ly hôn với anh Đào Văn T. Về con chung: Giao con chung tên là Đào Vân T, sinh ngày 04/3/2014 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phan Thùy T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Đào Văn T, địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập và văn bản tố tụng để bị đơn anh T tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 207, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thùy T và anh Đào Văn T chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 238, quyển số 01/2013 ngày 03/12/2013. Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa chị T và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Phan Thùy T, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo trình bày của chị T và anh T đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị T bất đồng quan điểm sống, từ những việc trong sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng nên thường xuyên cãi vã. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh T và chị T không tìm cách hàn gắn, khắc phục để gia đình hạnh phúc mà lại bỏ mặc. Từ tháng 8/2015 cho đến nay chị T và anh T đã sống ly thân, chị T tự ý đưa con về sống gần nhà mẹ ruột tại thị trấn V. Trong thời gian này chị T, anh T cũng không có sự quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải để chị T, anh T có cơ hội đoàn tụ nhưng anh T không tham gia còn chị T có đơn yêu cầu tòa án không tiến hành hòa giải do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài.

Trên cơ sở trình bày của chị T, anh T và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị T xảy ra mâu thuẫn kéo dài nhưng không được khắc phục. Cuộc hôn nhân của chị T, anh T không hạnh phúc, cuộc sống chung thiếu sự tôn trọng, yêu thương và tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T, anh T có 01 con chung tên Đào Vân T, sinh ngày 04/3/2014. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu T hiện nay vẫn còn nhỏ, quá trình vợ chồng sống ly thân cháu T được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị T làm công nhân, có thu nhập và nơi cư trú ổn định. Anh T trình bày sự việc chị T ngăn cản anh trong việc thăm nom, chăm sóc con chung nhưng không cung cấp chứng cứ để chứng minh, đồng thời anh cũng thống nhất giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do vậy, cần giao con chung là cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; chị Phan Thùy Trâm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thùy T về ly hôn, chị Phan Thùy T được ly hôn với anh Đào Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con tên Đào Văn T, sinh ngày 04/3/2014 cho chị Phan Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh Đào Văn T không phải cấp phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: chị Phan Thùy T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 000978 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị Phan Thùy T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt nên quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS H.Vĩnh Cửu;
- THA H.Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tân,
H. Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Đào Thị Kiều Vân